

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 03/2018/DS-PT

Ngày 04 - 01- 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Trần Ngọc Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2017/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T. Trụ sở: Tầng 1-7, tòa nhà K, số N, phố T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Lê Hiền T - Chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi nợ kiêm Quản lý pháp chế cho Phòng an ninh và Phòng kiểm soát gian lận, Phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng; địa chỉ: A-B-C, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017, ông T được ủy quyền lại cho người khác).

Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho: Anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số X đường H, khu vực K, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền số 3011/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 05/12/2017).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngân hàng T.

(Anh Nguyễn Phi L có mặt, ông Phạm Văn L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2017, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Vào ngày 01 tháng 11 năm 2014 ông Phạm Văn L có ký Hợp đồng tín dụng số 20141101-109002-0004 (gọi tắt là hợp đồng) với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền gốc là 33.155.850 đồng với lãi suất thỏa thuận 4,59%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức vay góp đều. Theo thỏa thuận tại hợp đồng ông L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 60.631.000 đồng (nợ gốc: 33.155.850 đồng, nợ lãi: 27.475.150 đồng) trả chậm trong vòng 29 tháng, trong 28 tháng đầu mỗi tháng trả 2.091.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.083.000 đồng. Thanh toán vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 12 năm 2014. Thực hiện hợp đồng ông L đã nhận đủ số tiền để vay tiêu dùng và đã thanh toán cho Ngân hàng 12 lần với số tiền 28.650.287 đồng. Kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2016 đến nay ông L không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào dù Ngân hàng đã có nhiều biện pháp nhắc nhở, yêu cầu thanh toán. Nay Ngân hàng yêu cầu ông L thanh lý hợp đồng theo phương thức trả toàn bộ khoản nợ 31.888.473 đồng (trong đó nợ gốc là 20.750.486 đồng, nợ lãi 11.137.987 đồng). Ngân hàng không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 26 tháng 7 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, còn lãi suất sau ngày xét xử đề nghị áp dụng theo mức quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án lập biên bản không hòa giải được và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Từ nội dung trên, tại Bản án số 45/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc đòi ông Phạm Văn L trả số tiền 31.888.473 đồng.

2. Án phí dân sự có giá ngạch, buộc Ngân hàng T phải nộp 1.594.423 đồng. Ngân hàng T đã dự nộp 797.000 đồng tại biên lai tạm ứng số 0009825 ngày 17 tháng 5 năm 2017 nên được đối trừ, buộc Ngân hàng T nộp thêm 797.723 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2017 nguyên đơn Ngân hàng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền 31.888.473 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 20.750.486 đồng, lãi là 11.137.987 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T chỉ yêu cầu ông Phạm Văn L thanh toán số tiền 21.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.155.850 đồng của Ngân hàng T. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 299, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với phần rút yêu cầu và sửa một phần Bản án sơ thẩm dân sự số 45/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 20141101-109002-0004 ngày 01 tháng 11 năm 2014 (BL 01 - 02) thể hiện hợp đồng chỉ có hiệu lực khi “đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng T đã ký hợp đồng này và khoản vay tiêu dùng được giải ngân thành công đến bên vay theo quy định tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng này”. Tại khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng quy định “việc giải ngân được coi là hoàn thành khi khoản vay tiêu dùng đã được Ngân hàng T chuyển khoản thành công vào tài khoản của bên vay mở tại Ngân hàng T hoặc bên vay nhận khoản vay tiêu dùng thành công tại Bưu cục (thể hiện trên giấy chứng nhận trả tiền) tùy theo phương thức giải ngân được quy định tại khoản 2.7 Điều 2 của hợp đồng”. Tại khoản 2.7 Điều 2 hợp đồng quy định về phương thức giải ngân là thông qua Bưu cục.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng nêu trên không thể hiện phần thông tin của bên cho vay và đại diện Ngân hàng T không ký tên vào phần cuối của hợp đồng. Bên cạnh đó, phía Ngân hàng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân vào tài khoản của ông L thông qua Bưu cục. Như vậy, đối chiếu theo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thì hợp đồng này chưa phát sinh hiệu lực. Tại cấp sơ thẩm đại diện của Ngân hàng không cung cấp thêm được những tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh ông L có nợ Ngân hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm thì ông Phạm Văn L xác định là ông có nợ Ngân hàng tổng số tiền 60.631.000 đồng (trong đó tiền gốc 31.577.000 đồng, tiền phí bảo hiểm 1.578.850 đồng, tiền lãi 27.475.150 đồng). Mặc dù Ngân hàng không chứng minh được việc ông L có nợ Ngân hàng nhưng nay ông L thừa nhận đã nhận tiền của Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết, nên cấp phúc thẩm có cơ sở xác định ông L có nợ Ngân hàng. Ông L cho rằng ông đã thanh toán cho Ngân hàng 15 lần tương ứng với 15 phiếu chứng nhận nộp tiền, mỗi phiếu là 2.091.000 đồng, tổng cộng là 31.365.000 đồng nhưng ông L chỉ nộp được 12 phiếu. Xét thấy, do ông L không chứng minh đã đóng tiền cho Ngân hàng được 15 lần nên cấp phúc thẩm chỉ chấp nhận là ông đã đóng tiền 12 lần, điều này cũng phù hợp với lời trình bày của Ngân hàng là ông L đã thanh toán cho Ngân hàng được 12 lần, mỗi lần là 2.091.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền của 12 lần thanh toán là $2.091.000 \text{ đồng} \times 12 = 25.092.000 \text{ đồng}$. Đối trừ số nợ thì ông L còn thiếu lại Ngân hàng số tiền là $60.631.000 \text{ đồng} - 25.092.000 \text{ đồng} = 35.539.000 \text{ đồng}$. Tại cấp sơ thẩm Ngân hàng yêu cầu ông L thanh toán cho Ngân hàng số tiền 31.888.473 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng chỉ yêu cầu ông L phải thanh toán 21.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của Ngân hàng.

[5] Về án phí: Do cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên ông Phạm Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.050.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng T, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa bản án sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Do Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm nên Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc đòi ông Phạm Văn L trả số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

2. Buộc ông Phạm Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Văn L chịu 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Ngân hàng T không phải chịu án phí, Ngân hàng T đã nộp tạm ứng án phí 797.000 đồng theo biên lai số 0009825 ngày 17 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng T không phải chịu. Ngân hàng T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010314 ngày 19

tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Lệ Kiều